

Số: 01/2020/QĐST-VDS

Đồ Sơn, ngày 21 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Trọng Đạt

Thư ký phiên họp: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên họp: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2019/TLST-VDS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-VDS ngày 13 tháng 01 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ (Nay là tổ B), phường B1, quận Đ1, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1982; nơi ĐKKHTT: Tổ Đ (Nay là tổ B), phường B1, quận Đ1, thành phố Hải Phòng; hiện đang điều trị tại Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H:* Bà Nguyễn Thị Thu T1 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Người chứng kiến:* Bà Nguyễn Thị G (Là mẹ đẻ của anh H), sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ dân phố B2, phường B1, quận Đ1, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại Đơn yêu cầu đề ngày 23-9-2019 và Bản tự khai đề ngày 06-12-2019, người yêu cầu là chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quang H đăng ký kết hôn năm 2002, tại UBND xã B1 (Nay là phường B1), quận Đ1, thành phố Hải Phòng. Đến nay, chị và anh H đã có 02 con chung là: Nguyễn Quang Trung Đ2, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Dịu L, sinh năm 2009. Trước khi kết hôn, chị biết anh H có những biểu hiện không bình thường về tâm thần nhưng nghĩ sẽ không ảnh hưởng đến cuộc sống. Sau khi kết hôn, chị thấy càng ngày anh H càng có nhiều hành vi bất thường như hay đập phá đồ đạc, đánh người xung quanh, vợ và con một cách vô cớ. Đôi khi, anh H lại tỉnh táo như những người bình thường khác. Do vậy, gia đình đã đưa anh H đi điều trị nhiều lần nhưng tình trạng tâm thần của anh H vẫn không biến chuyển. Từ năm 2013 cho đến nay, anh H điều trị tại Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần Hải Phòng. Thỉnh thoảng, người thân của anh H đón anh H về nhà khoảng một tháng rồi lại đưa vào Trung tâm điều trị. Trung tâm đã chẩn đoán anh H bị tâm thần phân liệt thể F20.0. Hiện nay, anh H vẫn có những hành vi bất thường như đã nêu trên. Chị không thể tiếp tục sống chung với anh H được nữa vì có thể bị anh H đánh đập bất cứ lúc nào. Cuộc sống chung như vậy sẽ làm cho chị bị tổn thương cả về tinh thần và sức khỏe, ảnh hưởng đến sự phát triển của các con. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tuyên bố anh H bị hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

Trong Đơn đề nghị đề ngày 14-01-2020, chị T thay đổi nội dung yêu cầu. Theo đó, căn cứ vào kết luận giám định, chị yêu cầu Tòa án tuyên bố anh H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Trong Biên bản lấy lời khai đề ngày 12-12-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H trình bày: Anh kết hôn với chị T từ khoảng năm 2002 và đã có hai con là Nguyễn Quang Trung Đ2 và Nguyễn Thị Dịu L. Từ khoảng năm 1997, do tâm thần của anh không được bình thường nên anh được gia đình cho đi điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Tâm thần Hải Phòng. Sau đó, bệnh của anh vẫn không giảm, có biểu hiện gây gổ với người xung quanh nên gia đình đã đưa anh vào điều trị tại Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần thành phố Hải Phòng được khoảng 07 năm nay. Hiện nay, anh vẫn đang điều trị tại Trung tâm. Tuy anh không thể nhớ được nhưng thông qua nhân viên điều dưỡng của Trung tâm, anh được biết bệnh của anh thỉnh thoảng lại tái phát, không làm chủ được hành vi của mình. Đối với yêu cầu của chị T về việc tuyên bố anh bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì anh không có ý kiến gì. Do anh đang phải điều trị tại Trung tâm không có thời hạn nên anh đề nghị Tòa án hợp giải quyết việc dân sự vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm lấy lời khai, lãnh đạo Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần thành phố Hải Phòng xác nhận anh H tiếp xúc được; bản thân anh H cho biết anh hoàn toàn tiếp xúc bình thường, nghe và hiểu được nội dung mà Tòa án trao đổi.

Tại phiên họp, chị T yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố anh H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo Đơn yêu cầu đề ngày 14-01-2020.

Tại phiên họp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H là bà Nguyễn Thị Thu T1 trình bày: Việc chị T thay đổi yêu cầu theo nội dung của kết luận giám định là có căn cứ; trên cơ sở kết luận giám định, đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố anh H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; mẹ của anh H là bà Nguyễn Thị G đồng ý làm người giám hộ cho anh H, anh H đồng ý để bà G làm người giám hộ cho anh nên đề nghị Tòa án chỉ định bà G làm người giám hộ cho anh H theo quy định tại Điều 23 của Bộ luật Dân sự và Điều 378 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người giám hộ và người được giám hộ theo quy định của pháp luật, Tòa án đã mời bà G tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự với tư cách là người chứng kiến. Tại phiên họp, Tòa án đã giải thích cho bà G về việc chỉ định người giám hộ cho anh H theo quy định tại Điều 23 của Bộ luật Dân sự và Điều 378 của Bộ luật Tố tụng dân sự, về điều kiện của cá nhân làm người giám hộ, quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại các điều 49, 57 và 58 của Bộ luật Dân sự và các quy định pháp luật khác liên quan đến việc giám hộ. Sau khi được giải thích, bà G đồng ý làm người giám hộ cho anh H.

Tại phiên họp, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đ đề nghị Tòa án áp dụng các điều 23, 46, 49, 57 và 58 của Bộ luật Dân sự, Điều 378 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu của T, tuyên bố anh H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; chỉ định bà G làm người giám hộ cho anh H; chị T phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết việc dân sự: Tại đơn khởi kiện, chị Hoàng Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Quang H là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Tại Đơn yêu cầu đề ngày 14-01-2020, chị T thay đổi yêu cầu, đề nghị Tòa án tuyên bố anh H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Đây là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H cư trú tại: Tổ dân phố Đ (Nay là tổ B), phường B1, quận Đ1, thành phố Hải Phòng nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H vắng mặt. Trong Biên bản lấy lời khai đề ngày 12-12-2019 của Tòa án và trong Biên bản làm việc đề ngày 16-01-2020 của Trợ giúp viên pháp lý, anh H đề nghị Tòa án họp giải quyết việc dân sự vắng mặt anh theo quy định của pháp luật. Xét thấy, anh H đã có lời khai trong hồ sơ việc dân sự và có đề nghị được vắng mặt tại phiên họp, việc vắng mặt anh H tại phiên họp không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết việc dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quyền yêu cầu: Chị T và anh H là vợ chồng. Việc tuyên bố anh H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T nên chị T có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố anh H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Xét yêu cầu của chị T:

[4] Trên cơ sở yêu cầu của chị T và các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được, ngày 13-12-2019, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 01/2019/QĐ-TA để trưng cầu giám định tình trạng tâm thần của anh H. Tại Kết luận giám định sức khỏe tâm thần số: 10/KHTH-BV ngày 10-01-2020 của Bệnh viện Tâm thần Trung ương I kết luận: Anh H bị bệnh Tâm thần phân liệt (Mã bệnh theo ICD 10: F20.5); hiện tại, anh H có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

[5] Theo đơn yêu cầu, chị T đề nghị Tòa án tuyên bố anh H là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Sau khi có kết luận giám định, ngày 14-01-2020, chị T có đơn đề nghị thay đổi nội dung yêu cầu; theo đó, chị T yêu cầu Tòa án tuyên bố anh H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Tại phiên họp, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu này. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của chị T là có căn cứ và hợp pháp nên Tòa án chấp nhận.

[6] Tòa án xét thấy, anh H là người thành niên do tình trạng tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự; Kết luận giám định sức khỏe tâm thần số: 10/KHTH-BV ngày 10-01-2020 của Bệnh viện Tâm thần Trung ương I thể hiện: Anh H bị bệnh Tâm thần phân liệt (Mã bệnh theo ICD 10: F20.5); hiện tại, anh H có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị T, tuyên bố anh H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định tại Điều 23 của Bộ luật Dân sự và Điều 378 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về người giám hộ cho anh H: Tại phiên họp, chị T trình bày đang sống ly thân với anh H và có nguyện vọng sau này sẽ làm thủ tục giải quyết ly hôn anh H theo quy định của pháp luật. Tại Biên bản làm việc đề ngày 16-01-2020 của Trợ giúp viên pháp lý, bà Nguyễn Thị G là mẹ đẻ của anh H đồng ý làm người giám hộ cho anh H, anh H đồng ý để bà G làm người giám hộ cho anh. Tại thời điểm làm việc với Trợ giúp viên pháp lý, anh H có năng lực thể

hiện ý chí của mình. Tại phiên họp, bà G vẫn đồng ý làm người giám hộ cho anh H. Bà G có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và đảm bảo các điều kiện khác của người giám hộ theo Điều 49 của Bộ luật dân sự. Việc chỉ định bà G làm người giám hộ cho anh H là phù hợp với ý chí của anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của anh H, Tòa án cần chỉ định bà G làm người giám hộ cho anh H theo quy định tại Điều 23 của Bộ luật Dân sự và Điều 378 của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Bà G có các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ quy định tại Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật Dân sự.

[8] Về lệ phí: Chị T là người yêu cầu giải quyết việc dân sự nên phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H có quyền kháng cáo quyết định theo Điều 371 và khoản 1 Điều 372 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 23, 46, 49, 57 và 58 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 và Điều 378 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị T, tuyên bố anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1982; nơi ĐKTT: Tổ dân phố Đ (Nay là tổ dân phố B), phường B1, quận Đ1, thành phố Hải Phòng; hiện đang điều trị tại Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần thành phố Hải Phòng là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

- Chỉ định bà Nguyễn Thị G (Là mẹ đẻ của anh H), sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường B1, quận Đ, thành phố Hải Phòng làm người giám hộ cho anh H. Bà G có quyền, nghĩa vụ của người giám hộ như sau:

Quyền của người giám hộ: Sử dụng tài sản của người được giám hộ (Anh H) để chăm sóc, chi dùng cho những nhu cầu thiết yếu của người được giám hộ; đại diện cho người được giám hộ trong việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được giám hộ.

Nghĩa vụ của người giám hộ: Chăm sóc, bảo đảm việc điều trị bệnh cho người được giám hộ; đại diện cho người được giám hộ trong các giao dịch dân sự; quản lý tài sản của người được giám hộ; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được giám hộ.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị T phải nộp lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0007097 ngày 05-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị T đã nộp đầy đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Chị T có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Anh H có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định giải quyết việc dân sự được thông báo, niêm yết.

Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện Kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Người bảo vệ QVLIHP của đương sự;
- Người giám hộ;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Bàng La, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Vũ Trọng Đạt